

Số: 681 /TB-ĐHGTVT

Hà Nội, ngày 16 tháng 8 năm 2021

THÔNG BÁO

**Về việc công bố ngưỡng điểm nhận đăng ký xét tuyển đầu vào đại học hệ chính quy
xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021**

Căn cứ Quy chế tuyển sinh trình độ đại học; tuyển sinh trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non ban hành kèm Thông tư số 09/2020/TT-BGDĐT ngày 07/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo; được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Thông tư số 16/2021/TT-BGDĐT ngày 01/6/2021;

Trường Đại học Giao thông vận tải công bố ngưỡng điểm nhận đăng ký xét tuyển (ĐKXT) đầu vào đại học hệ chính quy, xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2021 như sau:

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng điểm nhận ĐKXT
I. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TẠI HÀ NỘI (Mã xét tuyển GHA)				
1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, D07	20,00
2	7340301	Kế toán	A00, A01, D01, D07	19,00
3	7310101	Kinh tế	A00, A01, D01, D07	18,00
4	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00, A01, D01, D07	18,00
5	7840101	Khai thác vận tải	A00, A01, D01, D07	17,00
6	7840104	Kinh tế vận tải	A00, A01, D01, D07	17,00
7	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00, A01, D01, D07	21,00
8	7340201	Tài chính - Ngân hàng	A00, A01, D01, D07	18,00
9	7580301	Kinh tế xây dựng	A00, A01, D01, D07	18,00
10	7580302	Quản lý xây dựng	A00, A01, D01, D07	17,00
11	7460112	Toán ứng dụng	A00, A01, D07	16,00
12	7480201	Công nghệ thông tin	A00, A01, D07	22,00

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng điểm nhận ĐKXT
13	7510104	Công nghệ kỹ thuật giao thông	A00, A01, D01, D07	17,00
14	7520320	Kỹ thuật môi trường	A00, B00, D01, D07	16,00
15	7520103	Kỹ thuật cơ khí	A00, A01, D01, D07	19,00
16	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	A00, A01, D01, D07	19,00
17	7520115	Kỹ thuật nhiệt	A00, A01, D01, D07	17,00
18	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	A00, A01, D01, D07	16,00
19	7520130	Kỹ thuật ô tô	A00, A01, D01, D07	22,00
20	7520201	Kỹ thuật điện	A00, A01, D07	18,00
21	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	A00, A01, D07	18,00
22	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	A00, A01, D07	20,00
23	7520218	Kỹ thuật Robot và trí tuệ nhân tạo	A00, A01, D01, D07	18,00
24	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00, A01, D01, D07	17,00
25	7580202	Kỹ thuật xây dựng công trình thủy	A00, A01, D01, D07	16,00
26	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	A00, A01, D01, D07	16,00
27	7580205 QT	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông (gồm các chương trình chất lượng cao: Cầu - Đường bộ Việt - Pháp, Việt - Anh; Công trình Giao thông đô thị Việt - Nhật)	A00, A01, D01, D03	16,00
28	7480201 QT	Công nghệ thông tin (Chương trình chất lượng cao Công nghệ thông tin Việt - Anh)	A00, A01, D01, D07	21,00
29	7520103 QT	Kỹ thuật cơ khí (Chương trình chất lượng cao Cơ khí ô tô Việt - Anh)	A00, A01, D01, D07	18,00
30	7580201 QT-01	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình tiên tiến Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông)	A00, A01, D01, D07	16,00
31	7580201 QT-02	Kỹ thuật xây dựng (Chương trình chất lượng cao Vật liệu và Công nghệ Xây dựng Việt - Pháp)	A00, A01, D01, D03	16,00
32	7580301 QT	Kinh tế xây dựng (Chương trình chất lượng cao Kinh tế xây dựng công trình Giao thông Việt - Anh)	A00, A01, D01, D07	16,00

STT	Mã ngành	Tên ngành	Tổ hợp xét tuyển	Ngưỡng điểm nhận ĐKXT
33	7340301 QT	Kế toán (Chương trình chất lượng cao Kế toán tổng hợp Việt - Anh)	A00, A01, D01, D07	17,00
34	7340101 QT	Quản trị kinh doanh (Chương trình chất lượng cao Quản trị kinh doanh Việt - Anh)	A00, A01, D01, D07	18,00

II. CÁC NGÀNH TUYỂN SINH VÀ ĐÀO TẠO TẠI PHÂN HIỆU TẠI TP. HỒ CHÍ MINH (Mã xét tuyển GSA)

1	7340101	Quản trị kinh doanh	A00, A01, D01, C01	19,00
2	7340301	Kế toán	A00, A01, D01, C01	18,00
3	7480201	Công nghệ thông tin	A00, A01, D07	18,00
4	7510605	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng	A00, A01, D01, C01	21,00
5	7520114	Kỹ thuật cơ điện tử	A00, A01, D01, D07	18,00
6	7520116	Kỹ thuật cơ khí động lực	A00, A01, D01, D07	18,00
7	7520130	Kỹ thuật ô tô	A00, A01, D01, D07	21,00
8	7520201	Kỹ thuật điện	A00, A01, D01, C01	18,00
9	7520207	Kỹ thuật điện tử - viễn thông	A00, A01, D01, C01	17,00
10	7520216	Kỹ thuật điều khiển và tự động hoá	A00, A01, D01, C01	18,00
11	7520320	Kỹ thuật môi trường	A00, A01, D01, D07	15,00
12	7580101	Kiến trúc	A00, A01, V00, V01	16,00
13	7580201	Kỹ thuật xây dựng	A00, A01, D01, D07	17,00
14	7580205	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông	A00, A01, D01, D07	16,00
15	7580301	Kinh tế xây dựng	A00, A01, D01, C01	17,00
16	7580302	Quản lý xây dựng	A00, A01, D01, C01	17,00
17	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành	A00, A01, D01, C01	16,00
18	7840101	Khai thác vận tải	A00, A01, D01, C01	19,00

VÀ
NG
HỌC
HỒN
TÀI

Ghi chú:

- Các môn của Tổ hợp xét tuyển:

A00: Toán, Vật lí, Hóa học; A01: Toán, Vật lí, Tiếng Anh; B00: Toán, Hóa học, Sinh học; C01: Toán, Ngữ văn, Vật lí; D01: Toán, Ngữ văn, Tiếng Anh; D03: Toán, Ngữ văn, Tiếng Pháp; D07: Toán, Hóa học, Tiếng Anh; V00: Toán, Vật lí, Vẽ mỹ thuật; V01: Toán, Ngữ văn, Vẽ mỹ thuật.

- Ngưỡng điểm nhận ĐKXT là mức điểm tối thiểu của tổng điểm 03 môn theo tổ hợp xét tuyển cộng điểm ưu tiên (nếu có).

- Riêng tổ hợp xét tuyển V00, V01: điểm môn Vẽ Mỹ thuật từ 5,00 điểm trở lên.

Handwritten signature

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để b/c);
- Ban Giám hiệu (để c/đ);
- Các đơn vị trong toàn trường (để ph/h);
- Các thí sinh (để th/h);
- Lưu: HCTH, KT&ĐBCLĐT.

HIỆU TRƯỞNG - CTHĐTS



PGS. TS. Nguyễn Ngọc Long

Partial red circular stamp on the right edge of the page.